

Bản án số: 175/2018/HSST
Ngày: 19 – 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang

Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Phạm Bá Xanh

Ông Nguyễn Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 156/2018/TLST-HS, ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thái Văn D; Giới tính : Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/6/1991 tại huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm N (xóm 6), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Con ông: Thái Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 23 tháng 07 năm 2018 đến nay.

- Nguyên đơn dân sự:

+ Công ty TNHH TM H; địa chỉ: số 08, đường N, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật Anh Nguyễn Đức H; chức vụ: Giám đốc công ty, Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bị hại:

+ Anh Nguyễn Đức H; sinh năm: 1980; trú tại: số 08, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- người liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Vân A; đại diện hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Đ; địa chỉ:

số 44 đường L, xã , thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Chị Trần Thị Hà T; sinh năm: 1994; trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

+ Anh Lương Đình S; trú năm: 1991; trú tại: Khối 12, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh Thái Hồng N; sinh năm: 1992; trú tại: Xóm N (xóm 6), xã , huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo:* Bà Phan Thị Sự, Văn phòng luật sư Dung Sự và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, nhưng có bài bào chữa gửi cho bị cáo và Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, nợ tiền của nhiều người và bị nhiều người thúc ép đòi nợ nên Thái Văn D, sinh ngày 03/6/1991, trú tại xóm N (xóm 6), xã , huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980, trú tại Khối T, phường Hưng D, thành phố V, tỉnh Nghệ An làm giám đốc công ty Hiệp S với mục đích cầm cố lấy tiền để trả nợ. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 13 giờ ngày 23/02/2017, Thái Văn D gọi điện thoại cho anh Lương Đình S, sinh năm 1991, trú tại Khối 12, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhờ anh S thuê cho D một chiếc xe ô tô tự lái để đi công việc trong thời gian một ngày, D nói với anh S là do bị mất chứng minh nhân dân nên không tự thuê xe được. Anh S đồng ý. Sau đó D đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đức H đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái. D nói với anh H là bằng lái xe ô tô của D đang bị Công an tạm giữ. Anh H không đồng ý cho thuê xe, D nói “Có thằng em đứng ra thuê xe có được không?” thì anh H đồng ý.

Sau đó, anh S đi xe máy SIRIUS biển kiểm soát 37M1 – 6840 chở D đến gặp anh H. Tại đây, D nói muốn thuê xe ô tô để đi công trình, người đứng ra làm hợp đồng thuê xe là anh S và anh S để xe máy lại làm vật thế chấp. Anh H đồng ý, cho thuê xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, biển kiểm soát 37A – 136.26; số máy: 2TR7672826; số khung: 59G4D9017835 từ ngày 23/02/2017 đến ngày 24/02/2017 với giá 950.000 đồng (chín trăm năm mươi ngàn đồng)/01 ngày. D là người thanh toán tiền thuê xe cho anh H.

Ngày 26/7/2017, do bị thúc ép trả nợ nên D đã đưa chiếc xe trên đến gặp anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1978, trú tại Xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để cầm cố. Anh P hỏi xe của ai thì D nói xe của D, giấy tờ xe đang cầm cố ở Ngân hàng. Anh Phong tin tưởng và nhận cầm cố chiếc xe trên với

tổng số tiền là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Sau khi cầm cố xe, D lấy toàn bộ số tiền này để đi trả nợ.

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 11 giờ ngày 12/8/2017, D gọi điện thoại cho anh H thì anh H cho biết là anh H có việc gia đình nên không có mặt ở công ty. Do biết anh Đinh Đức C, sinh năm 1991, trú tại khối 2, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An là người giúp D giám sát công trình thường thuê xe ô tô của anh H nên D nảy sinh ý định lừa thuê xe tiếp của anh H để cầm cố lấy tiền trả nợ. D đã đặt vấn đề với anh H muốn thuê xe ô tô đi công trình và có anh C là nhân viên công ty đến đứng ra thuê. Anh H đồng ý, gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn B là nhân viên công ty H nói “anh B làm sẵn hợp đồng cho thuê xe ô tô cho anh Đinh Đức C thuê”. Khoảng 14 giờ ngày 12/8/2017, D gặp anh Thái Hồng N, sinh năm 1992, trú tại xóm N (xóm 6), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (anh Ngọc là em họ của D) là nhân viên dưới quyền của D. D nói với anh Ngọc: “chú lại số 08, đường N thuê cho anh cái xe bán tải để anh ký hợp đồng trên Quý Hợp. Chú ký hợp đồng thuê xe tên thằng Cảnh nhé”. Anh N có hỏi lại D “sao không ký tên em?” thì D nói: “Bằng lái chú bị giữ thì làm sao mà thuê được” (trước đó anh Ngọc cho D mượn giấy phép lái xe ô tô và đã bị công an tạm giữ). Vì, D là anh họ và tin tưởng D nhờ thuê xe để làm phương tiện đi lại nên anh Ngọc đã làm theo lời D. D đã đưa cho anh N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để anh N đặt cọc tiền thuê xe ô tô. Khi anh N đến công ty H thì gặp anh B, anh B có hỏi: “Anh có phải là Đinh Đức C không?” thì anh Ngọc nhận mình là C. Anh B hỏi thời gian thuê xe thì anh N nói thuê 10 ngày. Anh B nói mỗi ngày tiền thuê xe là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng). Sau đó anh B đã đưa hợp đồng cho anh N ký tên dưới hợp đồng là Đinh Đức C. Anh N đưa cho anh B 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền cọc thuê xe, anh B kiểm đếm và lấy 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) còn 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng) đưa lại cho anh N. Anh B đã bàn giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA HILUX; màu cam; biển kiểm soát: 37C – 241.75; số máy: 2GD8125659; số khung: SDD7G3508423. Sau đó anh N đã đưa chiếc xe trên và số tiền 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm ngàn đồng) cho D.

Ngày 12/5/2018, D đưa chiếc xe trên đến gặp anh Phong để cầm cố lấy tiền trả nợ. Anh Ph hỏi chiếc xe này của ai thì D nói là xe của vợ D, cầm cố vài ngày là lấy. Anh P tin tưởng và nhận cầm cố chiếc xe trên với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Sau khi cầm cố xe, D lấy toàn bộ số tiền đó đi trả nợ. Sau đó D nói với bạn gái của mình là chị Trần Thị Hà T, sinh năm 1994, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình nội dung: “Anh mượn xe bạn, bạn đồng ý cho đi cầm lấy tiền giải quyết công việc. Anh cầm chỗ anh P, anh P hỏi thì cứ nhận xe của em, vài ngày nữa anh giải quyết”. Khi anh P gọi điện thoại cho chị T để hỏi về chiếc xe trên thì chị T đã nhận chị T là vợ D, chị T cũng nói với anh P là chiếc xe trên là của chị T, giấy tờ xe bị công an giữ.

Từ tháng 3/2018 đến ngày 8/6/2018 do Thái Văn D không trả tiền thuê xe cho anh H và anh H nhiều lần liên lạc yêu cầu đưa xe về trả nhưng D lấy lý do là đang đi công trình rồi không trả nên anh Nguyễn Đức Huy đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Thái Văn D.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Nghệ An kết luận:

“1. Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; loại xe FORTUNER; màu sơn: đen; Biển kiểm soát: 37A – 136.26; số máy: 2TR7672826; số khung: 59G4D9017835 (xe đã qua sử dụng) có mức giá: 700.000.000 đồng;

2. Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; loại xe HILUX; màu sơn: cam; biển kiểm soát: 37C – 241.75; số máy: 2GD8125659; số khung: SDD7G3508423 (xe đã qua sử dụng) có mức giá: 600.000.000 đồng;

Tổng cộng 2 xe có giá trị: 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng)”.

*** Vật chứng của vụ án:**

- Ngày 08/06/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu thu giữ hai chiếc xe ô tô “1. Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; loại xe FORTUNE; màu sơn: đen; Biển kiểm soát: 37A – 136.26; số máy: 2TR7672826; số khung: 59G4D9017835 (xe đã qua sử dụng); 2. Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; loại xe HILUX; màu sơn: cam; biển kiểm soát: 37C – 241.75; số máy: 2GD8125659; số khung: SDD7G3508423 (xe đã qua sử dụng)”

- Ngày 28/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An ra Quyết định xử lý vật chứng số 1589 về việc trả lại hai chiếc xe ô tô nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980, trú tại Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

*** Về dân sự:**

Anh Nguyễn Đức H, Giám đốc Công ty TNHH TM H là bị hại và đại diện cho Công ty đã nhận số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền thuê 02 xe ô tô do gia đình bị cáo D trả, nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Anh Nguyễn Đình P chủ cơ sở Cầm đồ Đ có đơn yêu cầu có đơn yêu cầu Thái Văn D đền bù số tiền 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) là tiền D đã lừa cầm cố 02 xe ô tô. Hiện nay, Thái Văn D đã tác động gia đình trả lại toàn bộ số tiền vay cho anh P.

Bản cáo trạng số 184/VKS - P2 ngày 25 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Thái Văn D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật

hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Thái Văn D từ 7 đến 8 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xem xét.

Về vật chứng và án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Luật sư bào chữa cho bị cáo Thái Văn D đề nghị: Về tội danh thì bị cáo đã thừa nhận nên không có ý kiến tranh luận. Về mức hình phạt, bị cáo khai báo thành khẩn, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, bị cáo có bố tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được Nhà nước khen thưởng, người bị hại có đơn đề nghị giảm án cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo.

Bị cáo Thái Văn D đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa.

Bị cáo Thái Văn D nói lời nói sau cùng: bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, nay rất ăn năn hối cải, xin lỗi những bị hại và những người cho bị cáo vay tiền, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Thái Văn D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, nguyên đơn dân sự. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều và bị nhiều người thúc ép đòi nợ nên Thái Văn D bằng thủ đoạn gian dối đến Công ty TNHH TM H để thuê xe hai chiếc xe ô tô làm phương tiện đi công trình nhưng đem đi vào hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Đình P để cầm cầm lấy tiền trả nợ. Tổng giá trị Thái Văn D đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức H 02 chiếc xe ô tô theo kết luận của Hội đồng định giá UBND tỉnh Nghệ An có số tiền 1.300.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Thái Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo:

Đối với bị cáo Thái Văn D đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối thuê xe ô tô tự lái rồi cầm cố xe để trả nợ. Đây là tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thái Văn D có thái độ khai báo thành khẩn, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có bố là ông Thái Văn H là bộ đội tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, được Nhà nước khen thưởng, bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại, được bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo Thái Văn D đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối thuê xe ô tô tự lái rồi đưa đi cầm cố xe để chiếm đoạt với số tiền rất lớn là 1.300.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, gây tâm lý hoang mang cho xã hội, nếu không bị phát hiện kịp thời thì sẽ có thể bị cáo còn tiếp tục lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác nữa. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và cố gắng lao động, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có trình độ và nhận thức xã hội, trước khi phạm tội bị cáo đang thi công các công trình xây dựng, nhưng do thiếu vốn và trả nợ trong quá trình thi công nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô, nay tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tính chất tội phạm ít nguy hiểm, do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với hành vi và tính chất phạm tội của bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu, không thu lợi bất chính, không có tài sản, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do đó, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Thái Văn D.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình truy tố, xét xử gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại và người có quyền lợi liên quan, nay bị hại và người liên quan có đơn đề nghị không buộc bị cáo phải bồi thường và trả nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận và không xem xét về dân sự.

[5] Về vật chứng của vụ án: Vật chứng là 02 chiếc xe ô tô Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Lương Đình S và Thái Hồng N là người đã đến Công ty H thuê xe để cho D đi cầm cố lấy tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác

định anh S và anh Ngọc giúp D thuê xe ô tô để D làm phương tiện đi lại làm công trình và không biết mục đích của D thuê xe ô tô để đi cầm cố lấy tiền nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với chị Trần Thị Hà T là người đã nhận chiếc xe ô tô TOYOTA HILUX biển kiểm soát 37C – 241.75 là của mình nhằm tạo niềm tin cho D đi cầm cố. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An đã tiến hành điều tra xác định Trang không biết D đi thuê xe ô tô tự lái là để cầm lấy tiền nên Trang không chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Nguyễn Đình P, hộ cầm đồ Đ là người đã cầm cố hai chiếc xe ô tô mà Thái Văn D mang đến. Cơ quan điều tra xác định khi D mang hai chiếc xe ô tô để cầm cố D đã nói với anh Phong đó là xe của mình và còn một cái là xe của vợ. Anh P không biết những chiếc xe trên là do D phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Nhưng việc nhận cầm đồ đối với xe ô tô mà không có giấy tờ theo quy định là vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải có kiến nghị đến các cơ quan chức năng xem xét về quản lý hành chính đối với Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Đại Phong; địa chỉ: số 44 đường L, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Thái Văn D 07 (bảy) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/7/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Thái Văn D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường và trả nợ các khoản vay cho người bị hại và người liên quan nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thái Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, người liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An
- Cục THADS tỉnh Nghệ An
- Người tham gia tố tụng
- Bị cáo, luật sư
- UBND phường H.D, TP Vinh,
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang

